

Số: 23 /2014/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 17 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên
và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06/3/2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 22/2012/TT-BTNMT ngày 26/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTNMT ngày 26/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 96/BC-STP ngày 08/10/2014, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 369/TTr-STNMT ngày 15/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Sinh

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và
bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2014/QĐ - UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Tăng cường công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phân công trách nhiệm của từng sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải bảo đảm bí mật quốc gia, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển và các hoạt động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trên biển.

**Chương II
NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

Điều 4. Xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển tỉnh Thái Bình

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi việc thực thi pháp luật và đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

c) Tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển hàng năm và dài hạn.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi việc thực thi pháp luật và đề xuất kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển có trách nhiệm:

a) Tham gia góp ý kiến trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

b) Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Ủy ban nhân dân huyện ven biển có trách nhiệm tổng kết và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp) việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

Điều 5. Lập và tổ chức thực hiện Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Thông tin, số liệu điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển thuộc phạm vi quản lý;

- Thông tin, số liệu khu vực bãi bồi, vùng đệm, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái vùng biển thuộc phạm vi quản lý;

- Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển của tỉnh;

- Các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển.

b) Tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

d) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tổ chức thực hiện Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành có liên quan:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến về dự thảo Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trong lĩnh vực được giao quản lý.

d) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu để lập quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu tổng hợp về bảo tồn đa dạng sinh học biển, rừng phòng hộ; thông tin, số liệu trong lĩnh vực thủy sản; thực trạng và định hướng phát triển đê biển, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền;

- Sở Giao thông Vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng, định hướng phát triển các khu kinh tế ven biển, kinh tế biển và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh;

- Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu đô thị, các công trình xây dựng ven biển thuộc phạm vi quản lý;

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về thực trạng và định hướng phát triển các khu du lịch, điểm du lịch biển; thông tin, số liệu về bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản thiên nhiên quốc gia và thế giới, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của các vùng biển, ven biển của tỉnh;

- Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về dầu khí;

- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về vùng cấm khai thác, khu vực hạn chế hoạt động, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh;

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp các thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạt động đối ngoại liên quan đến việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

3. Ủy ban nhân dân các huyện ven biển có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển thuộc phạm vi quản lý của huyện.

b) Thông tin, số liệu khu vực bãi bồi, vùng đệm, vùng bờ biển xói lở, rừng phòng hộ, đất ngập nước, khu vực cần bảo tồn hệ sinh thái vùng biển thuộc phạm vi huyện quản lý.

c) Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

d) Các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển.

Điều 6. Quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

- Lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các

bộ, ngành Trung ương thực hiện chương trình điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển trong phạm vi tỉnh;

- Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển;

- Tham mưu việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường đới bờ, vùng biển trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường biển; thực trạng quản lý và nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển; báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường do tỉnh thực hiện.

2. Các sở, ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin định kỳ hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, cụ thể như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp các thông tin, số liệu về định hướng phát triển kinh tế biển gắn với nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển; các thông tin, số liệu thống kê có liên quan khác theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên sinh vật biển, môi trường biển do mình thực hiện;

- Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí trên vùng biển thuộc tỉnh;

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản di tích lịch sử văn hóa, các khu du lịch, điểm du lịch và cảnh quan sinh thái biển;

- Sở Giao thông Vận tải cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên vị thế phục vụ cho phát triển hệ thống cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển trên địa bàn tỉnh;

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản, thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển do mình thực hiện; các thông tin, số liệu về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trên biển;

- Các cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển do mình thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện ven biển có trách nhiệm:

- Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu về kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên vùng ven biển; thực trạng quản lý, nhu cầu điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường vùng ven biển thuộc phạm vi quản lý;

- Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển do địa phương thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BTNMT ngày 26/12/2012 quy định về nội dung báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

Điều 7. Giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị giao, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển, sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, trả lại khu vực biển trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các tranh chấp về sử dụng khu vực biển về tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển nơi dự kiến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

c) Tổng hợp, đánh giá tình hình giao, sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ 6 tháng và hàng năm.

2. Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện ven biển có trách nhiệm:

a) Các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường về tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển nơi dự kiến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Tham gia góp ý thẩm định hoặc kiểm tra thực địa khi được Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị tham gia thẩm định hồ sơ giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các tranh chấp trong sử dụng khu vực biển về tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển nơi dự kiến khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 8. Phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục các sự cố môi trường, thiên tai trên biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Xác định vùng biển bị ô nhiễm nghiêm trọng thuộc phạm vi quản lý của địa phương; điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển; xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện ven biển:

- Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường biển; thực hiện các quy định về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng các bộ, ngành Trung ương: Tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển; huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó sự cố môi trường biển; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Các sở, ngành có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển thuộc tỉnh; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển theo quy định của pháp luật;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng các bộ, ngành Trung ương tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển; huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó sự cố môi trường biển; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Cung cấp thông tin, số liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động khai thác, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản; cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền;

- Sở Giao thông Vận tải cung cấp các thông tin, số liệu trong hoạt động của cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu và các cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển;

- Sở Công Thương cung cấp các thông tin, số liệu về thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí;

- Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, số liệu đối với khu đô thị, công trình xây dựng ven biển;

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cung cấp các thông tin, số liệu đối với các khu và điểm văn hóa, thể thao, du lịch biển, ven biển.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

4. Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng chức năng trực thuộc tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường vùng ven biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.



5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ huy động trợ giúp của quốc tế cho việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên vùng biển của tỉnh.

6. Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão của tỉnh có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về hoạt động ứng phó thiên tai trên biển; chỉ đạo theo thẩm quyền các lực lượng chuyên trách thực hiện ứng phó thiên tai trên biển;

Ban Chỉ đạo Ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên biển; chỉ đạo theo thẩm quyền các lực lượng chuyên trách thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu trên biển.

7. Ủy ban nhân dân các huyện ven biển có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các thông tin, số liệu về tình hình tác động môi trường, tình hình quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm biển thuộc phạm vi quản lý của huyện;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Điều tra, đánh giá tình trạng ô nhiễm, xác định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển thuộc phạm vi quản lý của huyện; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường biển theo quy định của pháp luật;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng các bộ, ngành Trung ương tổ chức hoạt động theo dõi, giám sát và cảnh báo sự cố môi trường, thiên tai trên biển; huy động các nguồn lực để ngăn chặn, ứng phó sự cố môi trường biển; giải quyết việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường biển theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó khắc phục sự cố môi trường, thiên tai trên biển; tình hình và dự báo xu thế biến động bờ biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển để phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới; tổ chức tham gia và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Đại dương Thế giới trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để định hướng tuyên truyền; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách,

pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức các hoạt động của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (trong trường hợp được chọn là nơi tổ chức điểm quốc gia).

2. Các sở, ngành có trách nhiệm:

a) Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ phát triển bền vững tài nguyên và môi trường biển.

b) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền pháp luật về tài nguyên và môi trường biển trên mạng thông tin điện tử của tỉnh.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn các chủ đề về biển để tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật thông qua các buổi diễn thuyết, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về biển quê hương cho các đối tượng học sinh, sinh viên.

d) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường biển đến nhân dân các xã, huyện ven biển.

đ) Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình có trách nhiệm bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam vào thời điểm đạt hiệu quả tuyên truyền cao.

e) Các sở, ban, ngành khác có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; hưởng ứng các sự kiện của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực biển, hải đảo Việt Nam.

3. Ủy ban nhân dân các huyện ven biển có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn địa phương.

b) Chỉ đạo Đài Truyền thanh huyện, xã bố trí thời lượng phát sóng, đưa tin, bài, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; các sự kiện văn hóa của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam vào thời điểm đạt hiệu quả tuyên truyền cao.

c) Huyện ven biển được chọn là địa điểm tổ chức Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (trong trường hợp được chọn là nơi tổ chức điểm của tỉnh) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam; có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh tổ chức các hoạt động của Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (trong trường hợp được chọn là nơi tổ chức điểm quốc gia); bố trí địa điểm, tham gia

đóng góp nguồn lực tổ chức sự kiện và bảo đảm an ninh, an toàn trật tự trong thời gian diễn ra Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam.

Điều 10. Hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề tài, dự án hợp tác quốc tế có liên quan trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu biển; thăm dò tài nguyên, phát triển khoa học công nghệ biển; phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

b) Định kỳ hàng năm, tổng hợp các hoạt động hợp tác quốc tế về biển báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ngành có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả hợp tác quốc tế về biển gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định sau đây:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo về kết quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và sản xuất muối biển; phát triển và bảo vệ hệ thống rừng ngập mặn, các công trình đê, kè biển và nhu cầu đầu tư xây dựng khác.

b) Sở Giao thông Vận tải báo cáo về kết quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng hải.

c) Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo về kết quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trên phạm vi khu vực biển thuộc tỉnh quản lý.

d) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch có trách nhiệm báo cáo về kết quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản biển, hoạt động du lịch biển và các lĩnh vực khác có liên quan.

đ) Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo về kết quả hợp tác quốc tế trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển, quy hoạch phát triển các đô thị ven biển.

e) Các cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, hải đảo bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển do mình thực hiện.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành và huyện ven biển tăng cường hỗ trợ quảng bá, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

4. Ủy ban nhân dân huyện ven biển có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) định kỳ hàng năm về tình hình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực biển thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, lực lượng trực thuộc thực hiện phối hợp những nội dung có liên quan được quy định tại Quy chế này.

2. Chi cục Biển là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ phối hợp quy định tại Quy chế này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện ven biển triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với quy định hiện hành và thực tiễn của địa phương. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *th*
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh
Phạm Văn Sinh